

**ĐÁP ÁN-THANG ĐIỂM**  
**ĐỀ THI OLYMPIC CHUYÊN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 2015**

Môn thi: **Sinh học.**  
Ngày thi thứ nhất: **09/05/2015**

**Câu 1: (2.0 điểm)**

Nêu sự khác biệt giữa khuếch tán qua màng photpholipit kép với sự khuếch tán qua kênh protein của màng tế bào.

**Hướng dẫn chấm**

<b>Khuếch tán qua màng photpholipid kép</b>	<b>Khuếch tán qua kênh protein của màng</b>	
- Cho các phân tử có kích thước rất nhỏ, kỵ nước (không phân cực), không tích điện đi qua.	- Có thể cho các phân tử có kích thước lớn, ưa nước (phân cực) và tích điện đi qua.	0.5đ
- Tính đặc hiệu thấp.	- Có tính đặc hiệu cao, những kênh hoặc cổng protein chỉ cho những chất nhất định đi qua.	0.5đ
- Chỉ phụ thuộc vào gradient nồng độ giữa hai bên màng	- Không những phụ thuộc vào gradient nồng độ mà còn phụ thuộc vào số lượng kênh hoặc cổng trên màng, do đó có hiện tượng bão hòa kênh (khi các kênh đã hoạt động hết công suất thì sự gia tăng chênh lệch nồng độ cũng không làm tăng tốc độ khuếch tán).	0.5đ
	- Đối với một số chất vận chuyển qua cổng thì việc có được vận chuyển hay không còn phụ thuộc vào tín hiệu đóng mở cổng.	0.5

**Câu 2: (2.0 điểm)**

Trình bày mô hình cấu trúc khảm động của màng tế bào và các thí nghiệm chứng minh mô hình cấu trúc khảm động đó.

**Hướng dẫn chấm**

Mô hình cấu trúc khảm động:	
- Màng tế bào được cấu tạo từ 2 thành phần chính: photpholipit và prôtêin.	0.25đ
- Các phân tử photpholipit sắp xếp thành hai lớp: các đuôi kỵ nước của phân tử photpholipit quay vào nhau và các đầu ưa nước quay ra bên ngoài. Các phân tử photpholipit liên kết với nhau bằng một tương tác kỵ nước yếu.	0.25đ
- Các protein bám màng (protein bề mặt), protein xuyên màng nằm phân tán trên bề mặt, chèn vào một lớp phospholipit hoặc xuyên qua lớp photpholipid kép.	0.25đ
- Các prôtêin có thể liên kết với các chất khác nhau như cacbohidrat và lipit để thực hiện những chức năng khác nhau.	1
- Ở các tế bào động vật và người, màng sinh chất còn có nhiều phân tử cholesterol làm tăng độ ổn định của màng sinh chất.	trong 2 ý đạt 0.25đ
- Các phân tử phospholipit có thể di chuyển bên trong lớp màng (chủ yếu trong cùng một lớp phân tử) làm cho màng có độ nhớt như dầu.	0.25đ
- Nhiều protein cũng có thể thay đổi vị trí trên màng trong phạm vi nhất định.	0.25đ
- Chứng minh các protein “khảm” trong lớp photpholipit kép: Sử dụng phương pháp khắc lạnh. Tế bào được làm lạnh và được tách bằng dao mổ. Mặt phẳng cắt đi theo mặt trong kỵ nước của màng, phân cắt lớp kép photpholipit thành hai lớp tách biệt. Quan sát các lớp màng dưới kính hiển vi, ta thấy phần bên trong lớp kép có các protein nằm phân tán trong chất nền nhẵn như những viên sỏi, gắn với lớp này hoặc lớp kia → chứng tỏ protein nằm khảm trong lớp phospholipide kép.	0.25đ
- Chứng minh tính “lỏng” của màng tế bào: đánh dấu màng tế bào của người và chuột bằng hai loại dấu khác nhau và dung hợp các tế bào lại rồi quan sát tế bào lại dưới kính hiển vi. Sau một thời gian, thấy các protein màng của chuột và người trộn lẫn với nhau trên màng tế bào lại → chứng tỏ protein màng có thể chuyển động ngang trong màng tế bào.	0.25đ

**Câu 3: (2.0 điểm)**

a) Cho các nguyên tố hóa học sau: Cu, Mo, C, H, Mg, Fe, O, N, P, Mn, B, Cl K, S, Ca, Zn, Ni. Dựa vào hàm lượng của chúng trong mô thực vật, hãy phân chia các nguyên tố hóa học trên thành hai nhóm. Cho biết đó là hai nhóm nào? Nêu chức năng chung của các nguyên tố thuộc nhóm đó.

**Hướng dẫn chấm**

Nguyên tố đa lượng	Nguyên tố vi lượng (chiếm $\leq 100$ mg/ 1kg chất khô của cây)	0.25đ
C, H, O, N, P, K, S, Ca,	Fe, Mn, B, Cl, Zn, Cu, Mo, Ni, Mg	0.25đ
Đóng vai trò cấu trúc tế bào, là thành phần của các đại phân tử trong tế bào.	Là thành phần không thể thiếu được ở hầu hết các enzyme vì chúng hoạt hóa cho các enzyme trong quá trình trao đổi chất	0.25đ
Ngoài ra nó còn ảnh hưởng đến tính chất của hệ thống keo trong chất nguyên sinh như: diện tích bề mặt, độ ngậm nước, độ nhớt và độ bền vững của hệ thống keo.	Ngoài ra chúng còn liên kết với các hợp chất hữu cơ tạo thành phức chất hữu cơ – kim loại có vai trò quan trọng trong quá trình trao đổi chất. Ví dụ: Mg trong phân tử diệp lục.	0.25đ

b) Giải thích tại sao khi cây trồng thiếu ion Mg hoặc ion Fe đều có thể gây bệnh vàng lá?

**Hướng dẫn chấm**

Mg <sup>2+</sup> cấu tạo nên diệp lục. Thiếu Mg <sup>2+</sup> nên cây không tổng hợp đủ diệp lục, vì vậy cây bị vàng lá.	0.25đ
Thiếu ion Fe cũng có thể dẫn đến bệnh vàng lá vì sắt là nguyên tố vi lượng tham gia vào thành phần cofactor của một số protein và enzym có liên quan đến tổng hợp diệp lục	0.25đ

c) Khi cây thiếu Mg<sup>2+</sup> thì đầu tiên các lá già bị vàng rồi sau đó mới đến các lá non. Tuy nhiên, khi thiếu sắt thì các lá non lại bị vàng mà không phải các lá già. Từ quan sát này chúng ta có thể rút ra kết luận gì?

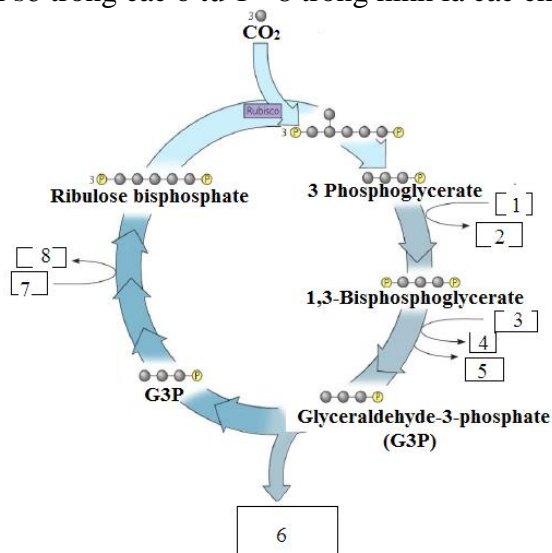
**Hướng dẫn chấm**

Triệu chứng vàng lá của cây phụ thuộc vào khả năng vận chuyển Mg, Fe và nhu cầu các nguyên tố này ở các giai đoạn sinh trưởng khác nhau. Mg có thể di chuyển tự do trong cây và nó được ưu tiên vận chuyển tới lá non - nơi có phản ứng quang hợp và trao đổi chất mạnh. Vì vậy, thiếu hụt Mg sẽ làm lá già bị vàng trước. Từ quan sát này ta có thể rút ra kết luận: Khi cây thiếu Mg <sup>2+</sup> thì trong cây có hiện tượng nhường ion Mg từ các lá già cho các lá non => giúp lá non vẫn có thể tiếp tục quang hợp. Lá già bị thiếu ion Mg nên vàng trước.	0.25đ
Fe không di chuyển tự do trong cây. Ion sắt được lưu trữ trong mô qua thời gian. Ở các lá già, lượng Fe dự trữ có thể đủ để cung cấp nên ngay cả khi thiếu Fe trong đất, lá già sử dụng Fe dự trữ nên chưa bị vàng ngay. Còn lá non ít Fe dự trữ hơn và Fe không di chuyển từ lá già đến lá non → nên tác động thiếu Fe sẽ nhanh hơn đối với lá non → bị vàng trước. Ngược lại, khi cây thiếu ion Fe, không xảy ra hiện tượng nhường ion Fe từ lá già cho lá non => chỉ là non bị vàng.	0.25đ

**Câu 4: (1.5 điểm)**

a) Hình ảnh dưới đây mô tả khái quát quá trình nào? Vì sao?

b) Hãy cho biết các con số trong các ô từ 1 - 8 trong hình là các chất gì với số lượng là bao nhiêu?



**Hướng dẫn chấm**

Hình ảnh trên mô tả chu trình Calvin.	0.25đ
Dưới tác dụng của enzyme rubisco CO <sub>2</sub> được kết hợp với RuBP để hình thành nên 3 -	0.25đ

phosphoglycerate.	
1 - 6ATP; 2 - 6ADP; 3 - 6NADPH; 4 - 6NADP <sup>+</sup> ; 5 - 6Pi; 6 - 1G3P; 7 - 3ATP; 8 - 3ADP (đúng 2 số bất kì cho 0.25 điểm)	1.0đ

**Câu 5: (2.0 điểm)**

a) Nêu những điểm khác biệt về cấu tạo giữa thành tế bào thực vật với thành tế bào vi khuẩn.

**Hướng dẫn chấm**

Thành tế bào thực vật	Thành tế bào vi khuẩn	
Cấu tạo từ cellulôzơ	Cấu tạo từ peptidoglycan	0.5đ
Đơn phân cấu tạo nên cellulôzơ là các phân tử glucozo.	Peptidoglycan (murein) được cấu tạo từ các chuỗi cacbohidrate liên kết với nhau bằng các đoạn polypeptide ngắn. Trong đó, chuỗi cacbohidrate được cấu tạo từ hai dẫn xuất của đường là: N-acetylglucosamin (NAG) và axit N-acetylmuramic (NAM).	0.5đ

b) Thành tế bào có hai chức năng chính là quy định hình dạng tế bào và bảo vệ tế bào. Hãy trình bày 2 thí nghiệm chứng minh 2 chức năng đó của thành tế bào.

**Hướng dẫn chấm**

<b>Thí nghiệm 1:</b> Bóc tách thành tế bào của các loại vi khuẩn hoặc các loại tế bào thực vật có hình dạng khác nhau rồi cho vào trong dung dịch <b>đẳng trương</b> . Kết quả các tế bào trần đều có dạng hình cầu, chứng tỏ thành tế bào <b>qui định hình dạng tế bào</b> .	0.5đ
<b>Thí nghiệm 2:</b> Bóc tách thành tế bào của các loại vi khuẩn hoặc các loại tế bào thực vật có hình dạng khác nhau rồi cho vào trong dung dịch <b>nhược trương</b> một thời gian dài. Kết quả các tế bào trần đều bị vỡ, chứng tỏ thành tế bào có chức năng <b>bảo vệ tế bào</b> .	0.5đ

**Câu 6: (1.0 điểm)**

a) Nêu bản chất của quá trình hô hấp tế bào.

b) Khí CO<sub>2</sub> mà chúng ta thở ra được tạo ra từ những giai đoạn chuyển hóa vật chất nào trong quá trình hô hấp tế bào (hô hấp hiếu khí)? Giải thích.

**Hướng dẫn chấm**

Bản chất: Hô hấp tế bào thực chất là một chuỗi các phản ứng oxi hóa khử trong đó C <sub>6</sub> H <sub>12</sub> O <sub>6</sub> là chất cho điện tử. Các điện tử này sẽ chuyển qua các chất nhận điện tử trung gian tới chất nhận điện tử cuối cùng là O <sub>2</sub> để tạo ra nước.	0.25đ
Khí CO <sub>2</sub> mà chúng ta thở ra được tạo ra từ giai đoạn trung gian của chu trình Krebs và chu trình Krebs trong quá trình hô hấp tế bào.	0.25đ
2 axit pyruvic được tạo ra từ giai đoạn đường phân sẽ được chuyển từ tế bào chất vào trong chất nền ty thể. Tại đây, chúng được biến đổi thành những phân tử nhỏ hơn là axetyl-coA đồng thời tạo ra NADH và CO <sub>2</sub> theo phương trình: 2axit pyruvic + 2NAD <sup>+</sup> → 2 axetyl-coA + 2 NADH + 2CO <sub>2</sub>	0.25đ
2 axetyl-coA đi vào chu trình Krebs và tạo ra sản phẩm theo phương trình: 2 axetyl-coA + 6NAD <sup>+</sup> + 2FAD <sup>+</sup> + 2ADP + 2Pi + 6H <sub>2</sub> O → 6CO <sub>2</sub> + 6NADH + 2FADH <sub>2</sub> + ATP.	0.25đ

**Câu 7: (2.5 điểm)**

Quá trình tổng hợp ATP ở ty thể và ở lục lạp có những điểm giống và khác nhau như thế nào?

**Hướng dẫn chấm**

Giống nhau: Đều dựa trên cơ chế hóa thẩm với sự trợ giúp của các chuỗi truyền electron và dùng năng lượng giải phóng trong quá trình truyền này để bơm proton qua màng tạo nên sự chênh lệch về nồng độ proton cũng như sự khác biệt về điện thế qua màng. Các proton sau đó khuếch tán qua ATP synthase để biến ADP thành ATP.		0.5đ
Lục lạp	Ty thể	
Điện tử đi đến chuỗi truyền là từ nước.	Điện tử đến chuỗi truyền điện tử có nguồn gốc từ các phân tử hữu cơ.	0.5đ
Chất nhận điện tử cuối cùng là NADP <sup>+</sup>	Chất nhận điện tử cuối cùng là ôxi	0.5đ
Sử dụng năng lượng ánh sáng để tổng hợp ATP	Sử dụng năng lượng chứa trong các chất hữu cơ để tổng hợp ATP.	0.5đ
Chuỗi truyền điện tử định vị ở trên màng tilacoit, bơm H <sup>+</sup> vào xoang tilacoit	Chuỗi truyền điện tử định vị ở màng trong, bơm H <sup>+</sup> vào xoang gian màng.	0.5đ
Sản phẩm: O <sub>2</sub> , ATP, NADPH.	Sản phẩm: CO <sub>2</sub> , nước, ATP.	

**Câu 8: (1.5 điểm)**

a) Phân biệt thể nguyên dưỡng và thể khuyết dưỡng ở vi khuẩn.

- b) Làm thế nào có thể tách được thể khuyết dưỡng khỏi hỗn hợp chứa cả thể đột biến khuyết dưỡng và thể nguyên dưỡng.

**Hướng dẫn chấm**

Thể nguyên dưỡng có thể sinh trưởng trên môi trường tối thiểu và tạo khuẩn lạc bình thường (có đầy đủ các enzyme của các con đường chuyển hóa).	0.25đ
Thể khuyết dưỡng về một axit amin nào đó (thiếu một số enzyme của một số con đường chuyển hóa) => không thể tạo khuẩn lạc trên môi trường tối thiểu và chỉ sinh trưởng bình thường trên môi trường có bổ sung axit amin đó.	0.25đ
Nuôi cấy dịch chứa hỗn hợp tế bào vi khuẩn kiểu dại nguyên dưỡng và vi khuẩn đột biến khuyết dưỡng trên môi trường có bổ sung axit amin mà vi khuẩn khuyết dưỡng cần. Khi đó cả hai loại vi khuẩn này đều tạo khuẩn lạc.	0.25đ
In dĩa vô trùng lên đĩa vi khuẩn nêu trên rồi đóng dĩa này lên đĩa chứa môi trường tối thiểu (Chỉ vi khuẩn nguyên dưỡng mới có thể hình thành khuẩn lạc trên môi trường này)	0.25đ
So sánh vị trí khuẩn lạc trên hai đĩa môi trường: Các khuẩn lạc ở vị trí tương ứng với vị trí khuẩn lạc trên đĩa môi trường tối thiểu là khuẩn lạc nguyên dưỡng, các khuẩn lạc không xuất hiện ở đĩa môi trường tối thiểu là thể khuyết dưỡng.	0.25đ
Tách khuẩn lạc này ra và nuôi cấy trong môi trường lỏng, ta thu được dịch chứa các tế bào đột biến khuyết dưỡng.	0.25đ

**Câu 9: (1.0 điểm)**

Người bị nhiễm virus herpes (hepset) thỉnh thoảng ở miệng (môi) lại mọc lên những mụn rộp nhỏ sau đó 1 tuần đến 10 ngày các mụn trên biến mất. Một thời gian sau (có khi vài tháng hoặc thậm chí vài năm) triệu chứng bệnh lý trên lại xuất hiện. Được biết virus hepset có vật chất di truyền là ADN sợi kép. Hãy giải thích tại sao bệnh lý này lại dễ bị tái phát.

**Hướng dẫn chấm**

Chu trình sống của hepec gồm 2 chu trình: chu trình tiềm tan và sinh tan tùy thuộc vào điều kiện môi trường. Sau khi xâm nhiễm vào tế bào người, virus hepset sẽ sinh sản theo chu trình sinh tan, tấn công làm vỡ tế bào và giải phóng hạt virus, gây ra mụn rộp, vỡ và chảy dịch.	0,25
Dưới tác động của hệ miễn dịch và việc điều trị, khả năng sinh sản của virus chậm lại và dừng, chuyển sang chu trình tiềm ẩn (âm ỉ): virus lây nhiễm tế bào thần kinh (neuron) và ôn hòa trong tế bào vật chủ và hoàn toàn không gây nên các triệu chứng bệnh (các mụn rộp nhỏ ở miệng).	0,25
Khi môi trường thay đổi (stress, nhiệt độ, hormone...) tạo điều kiện giúp hepset chuyển từ giai đoạn tiềm ẩn sang giai đoạn sinh tan => gây bệnh tái phát.	0,25
Việc bệnh lý do hepset gây ra dễ bị tái phát là do các yếu tố môi trường có thể xuất hiện lặp lại.	0,25

**Câu 10: (1.0 điểm)**

Khi nuôi cấy một khuẩn lạc vi sinh vật, nhà nghiên cứu không phân biệt được đó là một khuẩn lạc nấm men hay một khuẩn lạc vi khuẩn.

- Nhà nghiên cứu quan sát dưới kính hiển vi và thấy tế bào của vi sinh vật đó sinh sản theo kiểu phân cắt và nảy chồi. Vi sinh vật đó có khả năng là gì?
- Nhà nghiên cứu tiếp tục quan sát tế bào của vi sinh vật đó và thấy tế bào đó có màng nhân. Vi sinh vật đó có khả năng là gì?
- Nhà nghiên cứu định khẳng định lại kết luận ở phần b bằng cách thử xem vi sinh vật đó có sinh trưởng được trong môi trường kỵ khí (không có ôxi) hay không. Hỏi: cách làm của nhà nghiên cứu có giúp khẳng định kết luận trên không?

**Hướng dẫn chấm**

Chưa thể biết được vì cả vi khuẩn và nấm men đều có thể sinh sản theo kiểu phân cắt và nảy chồi (hoặc giống như nảy chồi nên rất khó phân biệt dưới kính hiển vi).	0.25đ
Vi sinh vật đó chắc chắn là nấm men vì vi khuẩn là sinh vật nhân sơ, không có màng nhân còn nấm men là sinh vật nhân thật, có màng nhân.	0.25đ
Nhiều vi khuẩn và nấm men đều có khả năng sinh trưởng kỵ khí. Vì vậy, đây không phải một đặc trưng của nấm men. Do đó, thử nghiệm khả năng này để khẳng định vi sinh vật đó là nấm men thì không hợp lý.	0.5đ

**Câu 11: (1.0 điểm)**

Vi khuẩn X thường được tìm thấy trong dưa cà muối ở Việt Nam. Qua phân tích trong phòng thí nghiệm, X là vi khuẩn Gram (+), có thể sinh trưởng tốt trong môi trường kỵ khí (không có các chất nhận điện tử vô cơ), sinh trưởng được nhưng không tối ưu trong môi trường hiếu khí. X có khả năng sinh axit lactic.

- Vi khuẩn X thu năng lượng theo hình thức gì? Tại sao?

b) Vi khuẩn X có khả năng thuộc nhóm vi khuẩn phổ biến gì? Hãy nêu điểm đặc trưng của nhóm vi khuẩn này

**Hướng dẫn chấm**

Vi khuẩn X thu năng lượng theo hình thức lên men, vì nó sinh trưởng tốt hơn trong môi trường kỵ khí không chứa các chất nhận điện tử vô cơ. Nếu có khả năng hô hấp thì vi khuẩn này sẽ phải sinh trưởng tốt hơn nhiều trong điều kiện hiếu khí. Vì vậy, vi khuẩn này thuộc dạng kỵ khí chịu khí.	0.5đ
Vi khuẩn X có khả năng thuộc nhóm vi khuẩn lactic, do các đặc điểm: (i) Gram dương, (ii) kỵ khí chịu khí, (iii) sinh axit lactic. Điểm đặc trưng của nhóm vi khuẩn này là khả năng ức chế nhiều vi khuẩn khác khi sinh trưởng trong cùng môi trường.	0.5đ

**Câu 12: (1.0 điểm)**

Cho vi khuẩn A là vi khuẩn Gram (+), vi khuẩn B là vi khuẩn Gram (-). Cả hai loại vi khuẩn này đều có roi.

- a) Khi làm thí nghiệm, nhà nghiên cứu bị nhầm hai ống nuôi cấy hai loại vi khuẩn này với nhau. Qua một phân tích, nhà nghiên cứu xác định được trong một ống nuôi cấy có sự có mặt kháng nguyên O đặc trưng cho một loại bệnh. Ống nuôi cấy này có khả năng chứa vi khuẩn nào? Giải thích.
- b) Khi phân tích thành phần hóa học thành tế bào của một trong hai loại vi khuẩn trên, người ta phát hiện sự có mặt của axit teichoic với hàm lượng đáng kể. Vi khuẩn này có khả năng là gì? Khi quan sát tế bào một loại vi khuẩn dưới kính hiển vi điện tử, người ta thấy thể gốc của roi ở tế bào của vi khuẩn này chỉ có một lớp peptidoglycan dày. Vi khuẩn này là gì?

**Hướng dẫn chấm**

Vi khuẩn B. Chỉ có vi khuẩn Gram (-) mới có các kháng nguyên O trong thành phần (lipopolysaccharide) màng ngoài thành tế bào.	0.25đ
Vi khuẩn A. Chỉ có vi khuẩn Gram (+) mới có axit teichoic trong thành phần thành tế bào.	0.25đ
Vi khuẩn A. Thể gốc của roi tế bào vi khuẩn có cấu trúc tương đương cấu trúc thành tế bào. Vì vậy, nếu thể gốc chỉ có một lớp peptidoglycan dày chứng tỏ vi khuẩn đó là vi khuẩn Gram (+).	0.5đ

**Câu 13: (1.5 điểm)**

Người ta tiến hành nuôi vi khuẩn *Escherichia coli* theo phương pháp nuôi cấy không liên tục trong điều kiện môi trường nuôi cấy có chứa oxi, glucozo và arabinozo. Hãy vẽ đường cong sinh trưởng của *Escherichia coli* trong điều kiện nuôi cấy trên và giải thích tại sao *Escherichia coli* lại sinh trưởng theo đường cong như vậy?

**Hướng dẫn chấm**

<p>(Học sinh phải ghi chú trên hình đầy đủ mới cho đủ điểm)</p>	0.5
<p>Đường cong sinh trưởng có dạng như vậy là vì</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong môi trường nuôi cấy có chứa hai loại cơ chất cacbon là glucozo và arabinozo. Lúc đầu vi khuẩn tổng hợp loại enzyme phân giải loại hợp chất dễ đồng hóa hơn là glucozo. Sau đó, khi glucozo cạn, vi khuẩn lại được arabinozo cảm ứng để tổng hợp enzyme phân giải arabinozo =&gt; đồ thị có hai pha tiềm phát và hai pha lũy thừa.</li> <li>- Tại các pha tiềm phát số lượng tế bào vi khuẩn không tăng do vi khuẩn chưa thích ứng tốt được với môi trường nên chưa có sự sinh trưởng (phân chia).</li> <li>- Nhưng khi vi khuẩn đã thích ứng tốt được thì nó bắt đầu sinh sản, vì vi khuẩn sinh sản bằng hình thức phân đôi, thời gian thế hệ ngắn =&gt; số lượng tế bào vi khuẩn sẽ tăng lên nhanh chóng (pha lũy thừa) và đạt cực đại khi số lượng tế bào vi khuẩn sinh ra cân bằng với sức chứa (nguồn dinh dưỡng) có trong môi trường (pha cân bằng).</li> <li>- Tuy nhiên, do nuôi cấy trong môi trường không liên tục =&gt; chất dinh dưỡng ngày càng cạn, các sản phẩm của quá trình trao đổi chất sinh ra ngày càng nhiều =&gt; ức chế sự sinh trưởng của vi khuẩn, vi khuẩn chết ngày càng nhiều =&gt; số lượng tế bào giảm.</li> </ul> <p>(câu này HS có thể trả lời bằng cách diễn giải từng giai đoạn đầy đủ thì vẫn cho điểm đầy đủ)</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>